

LUYỆN TẬP
VỀ BA TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU CỦA TAM GIÁC

I. MỤC TIÊU:

- 1. Kiến thức:** Củng cố ba trường hợp bằng nhau của hai tam giác.
- 2. Kỹ năng:** Rèn kỹ năng vẽ hình chứng minh, chứng tỏ được rằng 2 tam giác bằng nhau từ đó suy ra được hai cạnh, hai góc tương ứng bằng nhau.
- 3. Thái độ:** Phát huy trí lực của học sinh.
- 4. Xác định nội dung trọng tâm của bài:** Củng cố trường hợp bằng nhau góc cạnh góc, và áp dụng trường hợp nào vào tam giác vuông, củng cố hai trường hợp (c.c.c), (c.g.c).
- 5. Định hướng phát triển năng lực:**

- Năng lực chung: Tư duy, giải quyết vấn đề, vận dụng, giao tiếp, làm chủ bản thân, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: Thu thập và xử lý thông tin toán học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

- 1. Giáo viên:** Thước thẳng, compa, thước đo góc, êke, bảng phụ.
- 2. Học sinh:** Thước thẳng, compa, thước đo góc, Sgk.
- 3. Bảng tham chiếu các mức yêu cầu cần đạt của câu hỏi, bài tập, kiểm tra, đánh giá**

Nội dung	Nhận biết (MĐ1)	Thông hiểu (MĐ2)	Vận dụng thấp (MĐ3)	Vận dụng cao (MĐ4)
1. Các trường hợp bằng nhau của tam giác.	Biết các trường hợp bằng nhau của tam giác.		Vận dụng chứng minh hai tam giác bằng nhau để giải các bài toán liên quan.	

III. HOẠT ĐỘNG DẠY- HỌC:

* **Kiểm tra bài cũ:** (10')

HS₁: Phát biểu trường hợp bằng nhau g.c.g của tam giác. (5đ)

Phát biểu hệ quả 1, 2 về trường hợp bằng nhau của 2 Δ vuông. (5đ)

HS₂: Bài tập 39.Sgk/124 tập 1.

Đáp án : H.105: $\Delta AHB = \Delta AHC$ (c.g.c); 3đ

H.107: $\Delta ABD = \Delta ACD$ (ch-gn); 2đ

H.106: $\Delta DKE = \Delta DKF$ (g.c.g) 2đ

H.108: $\Delta ABD = \Delta ACD$ (ch-gn)

$$\Delta BDE = \Delta CDH \text{ (g.c.g); } \Delta ABH = \Delta ACE \text{ (g.c.g) 3đ}$$

H. 107

H. 108

A. KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG 1. Tình huống xuất phát (mở đầu) (1')

- (1) Mục tiêu: Kích thích hs suy đoán, hướng vào bài mới
- (2) Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: Phương pháp vấn đáp – gợi mở / Kỹ thuật động não
- (3) Hình thức tổ chức hoạt động: Toàn lớp
- (4) Phương tiện dạy học: Bảng phấn.
- (5) Sản phẩm: Không

Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Các em đã biết các trường hợp bằng nhau của hai tam giác. Hôm nay, chúng ta sẽ luyện kĩ năng nhận biết hai tam giác bằng nhau theo ba trường hợp đã học và vận dụng để xác định hai cạnh, hai góc tương ứng bằng nhau.	HS lắng nghe

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG 2. Vận dụng (27')

- (1) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để giải một số dạng toán cơ bản. HS có kĩ năng vẽ hình, kĩ năng chứng minh và kĩ năng suy luận và phát triển bài toán hình học.
- (2) Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: Vấn đáp gợi mở, luyện tập thực hành, trực quan/ kĩ thuật đặt câu hỏi, kĩ thuật động não, kĩ thuật thu nhận thông tin phản hồi
- (3) Hình thức tổ chức hoạt động: HĐ cá nhân, nhóm, cả lớp
- (4) Phương tiện dạy học: Bảng phấn, sgk, thước đo độ, thước thẳng có chia khoảng.
- (5) Sản phẩm: Lời giải bài 40, 41, 43.Sgk

Nội dung	Hoạt động của GV	Hoạt động của HS	NL hình thành
<p>1. Bài 40.Sgk/124</p> <p style="text-align: center;">E</p> <p>Giải Xét 2 Δ vuông BEM và CFM Có BM = CM (gt)</p>	<p>H: Qua hình vẽ hãy dự đoán xem BE = CF? Nếu có hãy c/minh điều đó? H: 2 cạnh BE và CF nằm trong 2 Δ nào? 2 Δ đó có thể bằng nhau không? Tại sao? GV gọi 1HS lên bảng trình bày</p>	<p>HS: Đọc kỹ đề. Vẽ hình ghi GT, KL ΔABC (AB \neq BC) GT M là trung điểm BC BC BE \perp AM; CF \perp AM</p>	Năng

<p>$\hat{M}_1 = \hat{M}_2$ (đđ) Nên $\Delta BEM = \Delta CFM$ (ch-gn) $\Rightarrow BE = CF$ (2 cạnh t/ứng) 2. Bài 41.Sgk/124</p> <p>Chứng minh Xét ΔEIC và ΔFIC có: $\hat{E} = \hat{F} = 1v$ cạnh IC chung; $\hat{C}_1 = \hat{C}_2$ (gt) Nên $\Delta EIC = \Delta FIC$ (ch-gn) $\Rightarrow IE = IF$ (1) Xét ΔBDI và ΔBEI Có $\hat{D} = \hat{E} = 1v$ BI cạnh chung; $\hat{B}_1 = \hat{B}_2$ (gt) Nên $\Delta BDI = \Delta BEI$ (ch-gn) $\Rightarrow ID = IE$ (2) Từ (1) và (2) $\Rightarrow ID = IE = IF$</p> <p>3. Bài 43.Sgk/125</p> <p style="text-align: center;">2</p> <p style="text-align: center;">2</p> <p style="text-align: center;">Chứng minh</p> <p>a) Xét ΔOAD và ΔOCB, có $OA = OC$ (gt) \hat{O}: góc chung $OD = OB$ (gt) Nên $\Delta OAD = \Delta OCB$ (c.g.c) $\Rightarrow AD = BC$</p> <p>b) Vì $\Delta OAD = \Delta OCB$ $\Rightarrow \hat{D} = \hat{B}; \hat{A}_1 = \hat{C}_1$ $\Rightarrow \hat{A}_2 = \hat{C}_2$ (cùng bù \hat{A}_1, \hat{C}_1) Lại có: $AB = OB - OA$ $CD = OD - OC$ Mà $OA = OC, OB = OD$ (gt)</p>	<p>Gọi HS nhận xét. GV sửa sai (nếu có)</p> <p>GV gợi ý: Để chứng minh $ID = IE = IF$ Ta tách ra từng cặp và dựa vào gt để chứng minh: $ID = IE$; $IE = IF$ Xét 2 cặp Δ vuông có liên quan đến 2 tia phân giác RI và CI GV gọi HS lên bảng trình bày GV gọi HS nhận xét GV sửa sai hoàn chỉnh (nếu có) Qua hai bài tập 40 và 41 ta đã vận dụng điều gì? để kết luận rút ra hai đoạn thẳng bằng nhau?</p> <p>GV treo bảng phụ bài 43 GV Gọi HS lên bảng vẽ hình và ghi GT, KL</p> <p>GV gợi ý: Xét AD, BC nằm trong hai tam giác nào? và 2 tam giá đó có bằng nhau không?</p> <p>GV gọi HS lên bảng trình bày chứng minh</p>	<p>KL So sánh BE, CF</p> <p>HS: lên bảng trình bày</p> <p>HS: Nhận xét</p> <p>HS: đọc đề vẽ hình và ghi GT, KL</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50px; text-align: center;">GT</td> <td style="padding: 2px;">$\Delta ABC, RI, CI$ là phân giác $\hat{B}; \hat{C}$</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">BC</td> <td style="padding: 2px;">$ID \perp AB; IE \perp BC$</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">KL</td> <td style="padding: 2px;">$ID = IE = IF$</td> </tr> </table> <p>HS : Lên bảng trình bày</p> <p>HS : Nhận xét</p> <p>HS Trả lời: Áp dụng hệ quả 2 để chứng minh 2 tam giác vuông bằng nhau từ đó rút ra các cạnh tương ứng bằng nhau. HS: đọc kỹ đề bài 43 1HS lên bảng giải, vẽ hình ghi GT, KL</p> <table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <tr> <td style="width: 50px; text-align: center;">Ox.</td> <td style="padding: 2px;">$\hat{xOy} \neq 180^\circ; A, B \in$</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">GT</td> <td style="padding: 2px;">$OA < OB; C, D \in$</td> </tr> <tr> <td style="text-align: center;">Oy</td> <td style="padding: 2px;">$OC = OA, OD = OB$</td> </tr> <tr> <td></td> <td style="padding: 2px;">$AD \cap BC = \{E\}$</td> </tr> </table> <p>KL $AD = BC$ $\Delta EAB = \Delta ECD$</p>	GT	$\Delta ABC, RI, CI$ là phân giác $\hat{B}; \hat{C}$	BC	$ID \perp AB; IE \perp BC$	KL	$ID = IE = IF$	Ox.	$\hat{xOy} \neq 180^\circ; A, B \in$	GT	$OA < OB; C, D \in$	Oy	$OC = OA, OD = OB$		$AD \cap BC = \{E\}$	<p>lực tư duy, giải quyết vấn đề, vận dụng</p> <p>Năng lực giải quyết vấn đề, vận dụng</p>
GT	$\Delta ABC, RI, CI$ là phân giác $\hat{B}; \hat{C}$																
BC	$ID \perp AB; IE \perp BC$																
KL	$ID = IE = IF$																
Ox.	$\hat{xOy} \neq 180^\circ; A, B \in$																
GT	$OA < OB; C, D \in$																
Oy	$OC = OA, OD = OB$																
	$AD \cap BC = \{E\}$																

$\Rightarrow AB = CD$ Xét $\triangle EAB$ và $\triangle ECD$ $\hat{A}_2 = \hat{C}_2, AB = CD, \hat{B} = \hat{D}$ Do đó $\triangle EAB = \triangle ECD$ (g.c.g) $\Rightarrow EA = EC$		HS: nghe GV gợi ý HS ₁ : Câu a HS ₂ : Câu b	
--	--	---	--

C. LUYỆN TẬP: Đã thực hiện ở trên

D. VẬN DỤNG, TÌM TÒI, MỞ RỘNG:

HOẠT ĐỘNG 3. Tìm tòi, mở rộng (5')

(1) Mục tiêu: Tạo cho Hs nhu cầu tìm hiểu ứng dụng của tam giác trong đời sống và trong khoa học. Hình thành năng lực ứng dụng CNTT, tự nghiên cứu, quan sát, tổng hợp, ...

(2) Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: Vấn đáp gợi mở, KT động não.

(3) Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân.

(4) Phương tiện dạy học: Sgk, trên mạng Internet

(5) Sản phẩm: Kết quả tìm hiểu của các nhóm về ứng dụng của hình ảnh tam giác trong thời trang, kiến trúc, các lĩnh vực khác trong đời sống.

GV: Chuyên giao nhiệm vụ học tập. 1) Em hãy thảo luận với các bạn và tìm hiểu trên Internet: Hình ảnh tam giác còn được vận dụng trang trí trong thời trang, trong kiến trúc và trong đời sống. Gv phát phiếu tập cho học sinh có nội dung như trên. + Yêu cầu học sinh về nhà làm việc theo nhóm để thảo luận, cùng nhau tìm hiểu trên mạng Internet về ứng dụng của hình ảnh tam giác trong thời trang, kiến trúc, các lĩnh vực khác trong đời sống. Sau khi tìm hiểu các em có thể in ra hoặc chụp ảnh hoặc quay video.	Học sinh đọc kỹ đề bài Học sinh suy nghĩ trả lời. Hs có thể về nhà làm việc theo nhóm để hoàn thành nội dung phiếu học tập.
---	---

E. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (2')

– Ôn lại các trường hợp bằng nhau của tam giác và các hệ quả của chúng.

– Bài tập về nhà 43; 44; 45.Sgk/125.

*** NỘI DUNG CÁC CÂU HỎI, BÀI TẬP**

Câu 1: Các khẳng định sau đây đúng hay sai? (MĐ1)

a) Nếu $\triangle ABC$ và $\triangle A'B'C'$ có: $\hat{A} = \hat{A}'$; $\hat{C} = \hat{C}'$; $AC = A'C'$ thì $\triangle ABC = \triangle A'B'C'$ (theo trường hợp g.c.g) .

b) Nếu $\triangle MIN$ và $\triangle RST$ có $MI = RT$; $MN = RS$; $IN = TS$ thì $\triangle MIN = \triangle RST$ (theo trường hợp c.c.c.) .

LUYỆN TẬP
VỀ BA TRƯỜNG HỢP BẰNG NHAU CỦA TAM GIÁC (tt)

I. MỤC TIÊU:

1. **Kiến thức:** Tiếp tục củng cố cách chứng minh hai tam giác bằng nhau theo ba trường hợp bằng nhau của hai tam giác thường và các trường hợp áp dụng vào tam giác vuông.
2. **Kỹ năng:** Rèn kỹ năng chứng minh hai tam giác bằng nhau.
3. **Thái độ:** Giáo dục tính chính xác, óc tư duy, sáng tạo.
4. **Xác định nội dung trọng tâm của bài:** Củng cố trường hợp bằng nhau góc cạnh góc, và áp dụng trường hợp nào vào tam giác vuông, củng cố hai trường hợp (c.c.c), (c.g.c).
5. **Định hướng phát triển năng lực:**
 - Năng lực chung: Năng lực sử dụng các công thức tổng quát, tự học, tính toán, sử dụng ngôn ngữ toán học.
 - Năng lực chuyên biệt: Thu thập và xử lý thông tin toán học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. **Giáo viên:** Thước thẳng, compa, thước đo góc, êke, bảng phụ.
2. **Học sinh:** Thước thẳng, compa, thước đo góc, Sgk.
3. **Bảng tham chiếu các mức yêu cầu cần đạt của câu hỏi, bài tập, kiểm tra, đánh giá**

Nội dung	Nhận biết (MĐ1)	Thông hiểu (MĐ2)	Vận dụng thấp (MĐ3)	Vận dụng cao (MĐ4)
1. Các trường hợp bằng nhau của tam giác.	Biết các trường hợp bằng nhau của tam giác.	Chứng minh được 2 đoạn thẳng bằng nhau, 2 góc bằng nhau dựa vào việc c/m 2 tam giác bằng nhau.	Vận dụng chứng minh hai tam giác bằng nhau để giải các bài toán liên quan.	

III. HOẠT ĐỘNG DẠY – HỌC

* **Kiểm tra bài cũ:** (5')

- Phát biểu ba trường hợp bằng nhau của hai tam giác? (5đ)
- Trong hình vẽ sau, hãy chỉ ra các cặp bằng nhau và giải thích. (5đ)

Đáp án: $\triangle AOB = \triangle COD$ (c.g.c) ; $\triangle AOD = \triangle COB$ (c.g.c) ;

$$\Delta ABC = \Delta CDA \text{ (c.c.c)} ; \Delta ADB = \Delta CBD \text{ (c.c.c)}.$$

A. KHỞI ĐỘNG

HOẠT ĐỘNG 1. Tình huống xuất phát (mở đầu) (1')

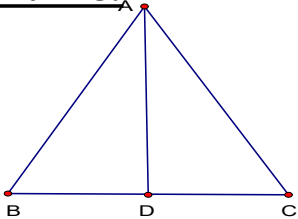
- (1) Mục tiêu: Kích thích hs suy đoán, hướng vào bài mới
- (2) Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: Phương pháp vấn đáp – gợi mở / Kỹ thuật động não
- (3) Hình thức tổ chức hoạt động: Toàn lớp
- (4) Phương tiện dạy học: Bảng phấn.
- (5) Sản phẩm: Không

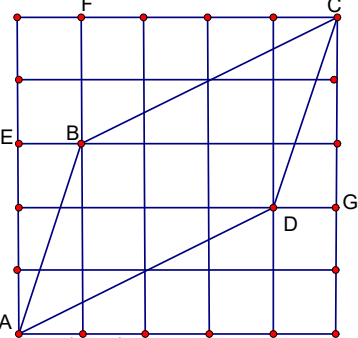
Hoạt động của GV	Hoạt động của HS
Tiết trước đã luyện tập các trường hợp bằng nhau của hai tam giác. Hôm nay, chúng ta tiếp tục rèn kỹ năng chứng minh hai tam giác bằng nhau.	HS lắng nghe

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

HOẠT ĐỘNG 2. Bài tập tính góc (29')

- (1) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức đã học để giải một số dạng toán cơ bản. HS có kỹ năng vẽ hình, kỹ năng chứng minh và kỹ năng suy luận và phát triển bài toán hình học.
- (2) Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: Vấn đáp gợi mở, luyện tập thực hành, trực quan/ kỹ thuật đặt câu hỏi, kỹ thuật động não, kỹ thuật thu nhận thông tin phản hồi
- (3) Hình thức tổ chức hoạt động: HĐ cá nhân, nhóm, cả lớp
- (4) Phương tiện dạy học: Bảng phấn, sgk, thước đo độ, thước thẳng có chia khoảng.
- (5) Sản phẩm: Lời giải bài 44, 45.Sgk

Nội dung	Hoạt động của GV và HS		NL hình thành
<p>1) Bài 44 tr125:</p>  <p><i>Chứng minh:</i></p> <p>a) Trong ΔADB có: $\widehat{ADB} = 180^\circ - (\widehat{BAD} + \widehat{B})$ ΔADC có: $\widehat{ADC} = 180^\circ - (\widehat{CDA} + \widehat{C})$</p>	<p>GV: Yêu cầu học sinh đọc đề bài, vẽ hình và ghi gt, kl.</p> <p>H: Em nào có thể chứng minh được hai tam giác ADB và ADC bằng nhau?</p> <p>H: Hai tam giác đó bằng nhau theo trường hợp nào?</p>	<p>HS: Đọc kỹ đề. Vẽ hình ghi GT, KL</p> <p>Gt ΔABC có $\widehat{B} = \widehat{C}$; $\widehat{A}_1 = \widehat{A}_2$; $D \in BC$</p> <hr/> <p>Kl a) $\Delta ADB = \Delta ADC$ b) $AB = AC$</p> <p>HS: Hoạt động nhóm và trả lời.</p>	Năng lực tự học và tính toán, sử dụng ngôn ngữ toán học.

<p>Mà $\widehat{BAD} = \widehat{CAD}$; $\hat{B} = \hat{C}$ (gt) Suy ra $\widehat{ADB} = \widehat{ADC}$ Xét $\triangle ADB$ và $\triangle ADC$, có : $\widehat{BAD} = \widehat{CAD}$ (gt) AD cạnh chung $\widehat{ADB} = \widehat{ADC}$ (c/minh trên) Nên $\triangle ADB = \triangle ADC$(g.c.g) b) Từ a) suy ra $AB = AC$ (2 cạnh tương ứng). 2) Bài 45 tr125:</p>  <p>a) Từ hình vẽ ta có: $\triangle AEB = \triangle CGD$ (c.g.c) $\Rightarrow AB = CD$ $\triangle CFB = \triangle AHD$ (c.g.c) $\Rightarrow BC = AD$ b) $\triangle ABD = \triangle CDB$ (c.c.c) $\Rightarrow \hat{ABD} = \hat{CDB}$ $\Rightarrow AB // CD$ (có hai góc bằng nhau ở vị trí Sl).)</p>	<p>GV: Từ a) suy ra được điều gì ?</p> <p>GV: Vẽ hình và nêu hướng chứng minh.</p> <p>GV: Vậy em nào có thể giải thích được ?</p> <p>H: Làm như thế nào có thể chỉ ra được $AB // CD$?</p> <p>GV: Gọi HS lên bảng làm.</p>	<p>HS: Lên bảng trình bày.</p> <p>HS: Trả lời.</p>	<p>Năng lực sử dụng các công thức tổng quát</p>
--	--	--	---

C. LUYỆN TẬP: Đã thực hiện ở trên

D. VẬN DỤNG, TÌM TÒI, MỞ RỘNG:

HOẠT ĐỘNG 3. Tìm tòi, mở rộng (8')

(1) Mục tiêu: Rèn kĩ năng vẽ hình cho học sinh. HS biết chứng minh một đường thẳng là đường trung trực của đoạn thẳng, chứng minh 2 tam giác bằng nhau.

(2) Phương pháp/Kĩ thuật dạy học: Vấn đáp gợi mở, KT động não.

(3) Hình thức tổ chức hoạt động: Hoạt động cá nhân.

(4) Phương tiện dạy học: Bảng, phấn, Sgk, dụng cụ học tập

(5) Sản phẩm: Hình vẽ và phần chứng minh của HS.

Bài tập: Cho điểm A nằm ngoài đường thẳng a. Vẽ cung tròn tâm A cắt đường thẳng a ở B và C. Vẽ các cung tròn tâm B và tâm C có cùng bán kính sao cho chúng cắt nhau tại điểm khác A, gọi điểm đó là D. Hãy giải thích vì sao AD vuông góc với đường thẳng a.

GV: Chuyển giao nhiệm vụ học tập.

Yêu cầu hs vẽ hình theo hướng dẫn.

Gv hướng dẫn và rèn cho học sinh kỹ năng vẽ hình và kỹ năng sử dụng dụng cụ vẽ hình.

Gv hướng dẫn học sinh chứng minh AD vuông góc với BC.

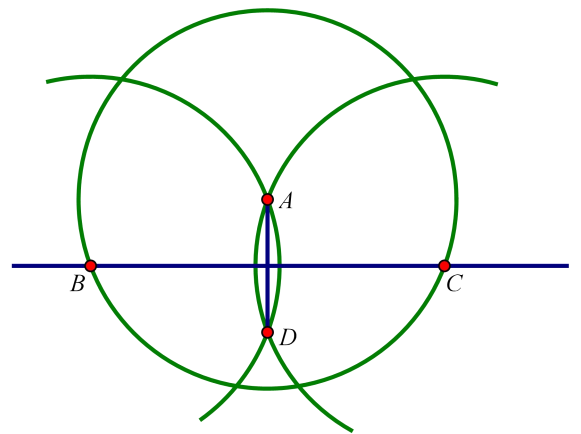
Gv đặt câu hỏi để HS tự phát hiện ra AD là đường trung trực của BC.

- Nếu hết giờ Gv yêu cầu hs về nhà chứng minh AD là đường trung trực của BC

- Nhận xét, đánh giá, tổng hợp kỹ năng vẽ hình, kỹ năng sử dụng dụng cụ vẽ hình.

Học sinh đọc kỹ đề bài

Hs vẽ hình theo hướng dẫn.



E. HƯỚNG DẪN VỀ NHÀ (2')

– Ôn lại các trường hợp bằng nhau của tam giác và các hệ quả của chúng.

– Về nhà làm các bài tập trong SBT. Xem trước bài “Tam giác cân”

* NỘI DUNG CÁC CÂU HỎI, BÀI TẬP

Câu 1: Phát biểu 3 trường hợp bằng nhau của 2 tam giác? (MĐ1)

Câu 2: Làm bài tập (MĐ2,3)

Tuần: 20

Tiết KHGD: 36

Ngày soạn:

Ngày dạy:

§6. TAM GIÁC CÂN

I. MỤC TIÊU:

1. Kiến thức: HS nắm được định nghĩa tam giác cân, tam giác vuông cân, tam giác đều. Tính chất về góc của tam giác cân, tam giác vuông cân, tam giác đều.

2. Kỹ năng: Biết vẽ tam giác cân, tam giác vuông cân. Biết chứng minh 1 tam giác là tam giác cân, tam giác vuông cân, tam giác đều. Biết vận dụng các tính chất của tam giác cân, tam giác vuông cân, tam giác đều để tính số đo góc, để chứng minh các góc bằng nhau.

3. **Thái độ:** Phát huy tư duy nhanh nhạy, hoạt bát của học sinh

4. **Xác định nội dung trọng tâm của bài:** Nắm được định nghĩa tam giác cân, tam giác vuông cân, tam giác đều. T/chất về góc của tam giác cân, tam giác vuông cân, tam giác đều.

5. **Định hướng phát triển năng lực:**

- Năng lực chung: Tư duy, giải quyết vấn đề, vận dụng, giao tiếp, làm chủ bản thân, hợp tác.

- Năng lực chuyên biệt: Thu thập và xử lý thông tin toán học.

II. CHUẨN BỊ CỦA GIÁO VIÊN VÀ HỌC SINH:

1. **Giáo viên:** Thước thẳng, compa, thước đo góc, êke, bảng phụ.

2. **Học sinh:** Thước thẳng, compa, thước đo góc.

3. **Bảng tham chiếu các mức yêu cầu cần đạt của câu hỏi, bài tập, kiểm tra, đánh giá**

Nội dung	Nhận biết (MĐ1)	Thông hiểu (MĐ2)	Vận dụng thấp (MĐ3)	Vận dụng cao (MĐ4)
1. Tam giác cân	Biết các khái niệm tam giác cân. Biết các tính chất của Δ cân. Biết vẽ Δ cân.	Hiểu được số đo các góc của tam giác vuông cân.	Vận dụng tính chất tam giác cân để giải bài tập đơn giản.	C/minh được Δ cân và ứng dụng vào các dạng toán khác ở mức độ khó hơn
2. Tam giác đều	Biết các khái niệm tam giác đều. Biết các tính chất của tam giác đều.	Hiểu cách chứng minh một Δ là tam giác đều. Biết được số đo các góc của Δ đều.		